

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

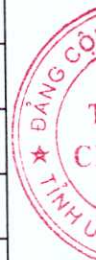
*

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 11 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 1, TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Anh	01	16	7.0	Bảy	
2	Lại Thị Ngọc Anh	02	15	7.5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Ánh	03	11	8.0	Tám	
4	Ngô Thị Mỹ Bình	04	05	7.5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Thị Bình	05	14	7.5	Bảy rưỡi	
6	Hoàng Thị Lệ Chi	06	13	7.0	Bảy	
7	Vũ Thành Chung	07	24	7.5	Bảy rưỡi	
8	Hoàng Minh Cường	08	23	7.5	Bảy rưỡi	
9	Lương Thị Kiều Diễm	09	22	8.0	Tám	
10	Nguyễn Thị Thanh Dung	10	21	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lý Thị Phương Dung	11	20	7.5	Bảy rưỡi	
12	Mai Đức Dũng	12	19	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Tiến Duy	13	30	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Bạch Dương	14	29	8.0	Tám	
15	Trịnh Quỳnh Giang	15	17	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thu Giang	16	28	7.5	Bảy rưỡi	
17	Dương Trung Hà	17	27	7.0	Bảy	
18	Bùi Thị Hà	18	26	7.0	Bảy	
19	Bùi Thị Việt Hà	19	25	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Thúy Hà	20	07	8.0	Tám	
21	Đỗ Thị Lệ Hằng	21	36	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Phó Thị Thúy Hằng	22	35	7.0	Bảy	
23	Vũ Thị Thu Hằng	23	34	7.0	Bảy	
24	Phạm Thu Hiền	24	33	7.5	Bảy rưỡi	
25	Vũ Thu Hiền	25	32	7.5	Bảy rưỡi	
26	Trần Quang Hiếu	-	-	-	-	Vắng thi
27	Lê Thị Hòa	26	08	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thế Hoàng	27	31	7.0	Bảy	
29	Bùi Thị Hời	28	42	8.0	Tám	
30	Hoàng Thị Huế	29	41	7.5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Thị Minh Huệ	30	40	8.0	Tám	
32	Phạm Minh Huệ	31	03	7.5	Bảy rưỡi	
33	Đỗ Minh Hương	32	39	7.0	Bảy	
34	Mạc Xuân Huy	33	38	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Thu Huyền	34	37	7.5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Văn Kiên	35	48	7.0	Bảy	
37	Vũ Ngọc Kiên	36	47	7.5	Bảy rưỡi	
38	Phùng Chí Kiên	37	46	8.0	Tám	
39	Vi Thị Phương Lan	38	45	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Tuyết Lan	39	44	7.5	Bảy rưỡi	
41	Đặng Thị Ngọc Lan	40	02	8.0	Tám	
42	Nông Thị Hồng Lê	41	43	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Lệ	42	54	7.5	Bảy rưỡi	
44	Dương Danh Liêm	43	53	7.0	Bảy	
45	Phạm Kim Liên	44	52	7.0	Bảy	
46	Vũ Thị Kim Liên	45	51	8.0	Tám	
47	Đinh Phương Liên	46	50	7.5	Bảy rưỡi	
48	Đồng Thị Thùy Linh	47	49	7.0	Bảy	
49	Lương Thị Hương Loan	48	60	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Lưu Thị Thanh Mai	49	59	7.5	Bảy rưỡi	
51	Đặng Đức Minh	50	58	7.0	Bảy	
52	Triệu Thành Nam	51	57	7.5	Bảy rưỡi	
53	Lương Thị Quỳnh Nga	52	56	8.0	Tám	
54	Hoàng Thị Mai Nga	53	55	8.0	Tám	
55	Phạm Thị Nga	54	01	7.5	Bảy rưỡi	
56	Dương Ngọc Ngà	55	09	8.0	Tám	
57	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	56	18	7.5	Bảy rưỡi	
58	Hồ Xuân Nhân	57	66	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung	58	65	8.0	Tám	
60	Nguyễn Thị Phụng	59	64	7.5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Hữu Quân	60	63	8.0	Tám	
62	Nguyễn Văn Quế	61	62	7.0	Bảy	
63	Phạm Thị Quyên	62	61	8.0	Tám	
64	Nguyễn Thu Quỳnh	63	72	7.5	Bảy rưỡi	
65	Đỗ Thị Phương Quỳnh	64	71	7.5	Bảy rưỡi	
66	Đỗ Thái Sơn	65	70	7.5	Bảy rưỡi	
67	Phạm Thị Thanh Tâm	66	69	7.5	Bảy rưỡi	
68	Hoàng Văn Thắng	67	68	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nông Phúc Thắng	68	67	7.0	Bảy	
70	Trần Thị Thanh Thảo	69	78	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Thị Phương Thảo	70	77	8.0	Tám	
72	Lý Thị Thoa	71	76	7.5	Bảy rưỡi	
73	Lê Phong Thu	72	75	7.0	Bảy	
74	Nguyễn Hoài Thu	73	04	8.0	Tám	
75	Nông Thị Anh Thư	74	06	7.5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Duy Thư	75	74	8.0	Tám	
77	Lê Thị Bích Thuận	76	73	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Trần Xuân Thường	77	84	7.0	Bảy	
79	Trương Thị Hồng Thúy	78	10	7.5	Bảy rưỡi	
80	Đào Thị Thủy	79	12	7.5	Bảy rưỡi	
81	Đỗ Thị Trang	80	83	7.0	Bảy	
82	Vũ Thị Như Trang	81	82	7.5	Bảy rưỡi	
83	Lương Hoàng Trường	82	81	7.0	Bảy	
84	Mai Anh Tuấn	83	80	7.5	Bảy rưỡi	
85	Hoàng Duy Tường	84	79	7.0	Bảy	
86	Phạm Anh Văn	85	87	7.0	Bảy	
87	Đồng Thị Hoàng Yến	86	86	8.0	Tám	
88	Nguyễn Thị Phương Lan	87	85	7.5	Bảy rưỡi	P. I.2-K49KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên